TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2023.

"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Quốc Toàn

2. Bà Võ Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Võ Tấn L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Xẻo Lùng A, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G *(có mặt).*

2. Bị đơn: Chị Bùi Kiều L1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp Xẻo Lùng A, xã Thạnh Yên A, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G *(có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Võ Tấn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Võ Tấn L và chị Bùi Kiều L1 *(sau đây gọi tắt là anh L, chị L1)* tự quen biết và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên A, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G ngày 04/8/2008. Vợ chồng anh L, chị L1 chung sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ việc làm ăn kinh tế trong gia đình, chị L1 tự quyết định mọi việc, không tôn trọng anh L nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Sự việc cũng được gia đình hai bên động viên, hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi, không có tiếng nói chung nên anh, chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Từ năm 2019 chị L1 bỏ nhà đi để lại con chung Nguyễn Thị Đoan Trang cho anh L nuôi dưỡng đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh L yêu cầu được ly hôn với chị L1.

Về con chung: Vợ chồng anh L, chị L1 có 01 người con chung Nguyễn Thị Đoan Trang, sinh ngày 16/02/2009, hiện con đang sống với anh L. Vợ chồng ly hôn con sống với cha hay mẹ là do con tự quyết định, sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh L, chị L1 không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bùi Kiều L1 được Tòa án trực tiếp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng chị L1 vắng mặt. Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 29/6/2023 của bị đơn chị L1, trình bày:

Chị L1 đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, nguyên nhân chị không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là do bận công việc, anh L yêu cầu ly hôn chị đồng ý; về con chung vợ chồng chị L1, anh L có 01 người con chung Nguyễn Thị Đoan Trang, sinh ngày 16/02/2009, hiện con đang sống với anh L. Vợ chồng ly hôn, con theo cha hay mẹ là theo nguyện vọng của con, sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh L trình bày: Anh L vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân, anh L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị L1, do trong thời gian chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự

cãi, vợ chồng không tin tưởng nhau và hiện vợ chồng không còn tình cảm nên ly thân từ năm 2019 đến nay cả hai không liên lạc; con chung Nguyễn Thị Đoan Trang, sinh ngày 16/02/2009. Vợ chồng ly hôn con sống với cha hay mẹ là do nguyện vọng của con, sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Nếu con chung Đoang Trang sống với anh L thì anh không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Bùi Kiều L1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 29/6/2023. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Bùi Kiều L1.

[2]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh L, chị L1 là hợp pháp. Tại phiên tòa anh L trình bày lý do xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp, mâu thuẫn xuất phát từ việc làm ăn kinh tế trong gia đình, chị L tự quản lý tài sản riêng và quyết định tất cả trong gia đình, vợ chồng chung sống không tôn trọng nhau. Từ đó, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung nên tự ly thân từ năm 2019 đến nay.

Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 29/6/2023 của chị L1 trình bày: Chị L1 đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, nguyên nhân chị không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là do bận công việc, anh L yêu cầu ly hôn chị đồng ý; vợ chồng chị L1, anh L có 01 người con chung Nguyễn Thị Đoan Trang, sinh ngày 16/02/2009, hiện con đang sống với anh L. Vợ chồng ly hôn, con theo cha hay mẹ là theo nguyện vọng của con, sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản chung không có.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng anh L kiên quyết xin ly hôn với chị L1, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh L, chị L1 không còn. Mặc khác, vợ chồng anh L, chị L1 ly thân từ năm 2019 đến nay đã hơn 03 năm, cả hai không có phương cách hàn gắn để đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình mà để mặc nhiên mâu thuẫn kéo dài, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho anh Lên được ly hôn với chị L1.

[3]. Về con chung: Anh L, chị L có 01 người con chung Nguyễn Thị Đoan Trang, sinh ngày 16/02/2009. Vợ chồng ly hôn anh L, chị L1 đều có ý kiến: Con chung Nguyễn Thị Đoan Trang muốn sống với cha hay mẹ là do con quyết định, sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 06/4/2023 của cháu Trang có nguyện vọng được sống với anh L khi cha mẹ ly hôn. HĐXX nhận thấy: Từ khi anh L, chị L1 ly thân năm 2019 đến nay cháu Đoan Trang sống với anh L và được anh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phát triển tốt và cháu cũng thích nghi với môi trường sống bên gia đình anh L và bạn bè, nên HĐXX thống nhất giao con chung Đoan Trang cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đoan Trang. Chị L1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh L không yêu cầu.

[4]. Về chia tài sản chung: Anh L, chị L1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Võ Tấn L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0005840 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Võ Tấn L với chị Bùi Kiều L1.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Thị Đoan Trang, sinh ngày 16/02/2009 (hiện cháu Trang đang sống với anh L) cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị L1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh L không yêu cầu.

Chị Bùi Kiều L1 có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản chung:* Anh L, chị L1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Võ Tấn L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0005840 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng